

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST

Ngày: 17 – 7 – 2020

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải
2. Ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 17/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 17/02/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-DS ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón K; địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Th, c/v: Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kiều Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Đỗ Văn Th trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón K (viết tắt là Công ty K) có quan hệ mua bán với bà Nguyễn Thị Kiều Ng từ lâu. Việc quan hệ mua bán này thì Công ty K chỉ có giao dịch với bà Ng chứ không giao dịch với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại D do bà Nguyễn Thị Kiều Ng làm Giám đốc.

Từ ngày 09/3/2019 đến ngày 04/6/2019, Công ty K có bán phân bón cho bà Ng với tổng số tiền 375.640.000 đồng, bà Ng đã trả được 261.620.000 đồng, còn nợ lại 114.020.000 đồng và hẹn đến cuối năm 2019 sẽ trả, nhưng đến hẹn thì bà Ng vẫn không trả số tiền trên cho Công ty K. Do vậy, Công ty K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kiều Ng và ông Trần Anh D phải trả số tiền nợ gốc là 114.020.000 đồng và mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 7.601.000 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 121.621.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Anh D vì cho rằng ông D không có liên quan gì đến giao dịch mua bán với Công ty K nên khoản nợ trên không liên quan đến ông D, do vậy, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều Ng phải trả số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Ng trình bày:

Việc Công ty K khởi kiện về số tiền nợ gốc là 114.020.000 đồng và mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 7.601.000 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 121.621.000 đồng là hoàn toàn đúng, bà không có ý kiến gì về số nợ gốc và tiền lãi mà nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bà cho rằng, việc giao dịch mua bán phân bón của Công ty K là do bà lấy tư cách là Giám đốc đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại D (viết tắt là Công ty D) giao dịch, chứ không phải do cá nhân bà giao dịch. Do vậy, việc Công ty K khởi kiện bà phải trả số nợ trên là không đúng, mà người phải trả số nợ trên phải là Công ty D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Công ty K khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ng, có địa chỉ tại đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Anh D, xác định chỉ khởi kiện đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ng. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Công ty K có quan hệ mua bán phân bón với bà Nguyễn Thị Kiều Ng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là Công ty K khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ng phải trả số nợ gốc là 114.020.000 đồng và mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 7.601.000 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 121.621.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Từ ngày 09/3/2019 đến ngày 04/6/2019, Công ty K có bán phân bón cho bà Ng với tổng số tiền 375.640.000 đồng, bà Ng đã trả được 261.620.000 đồng, còn nợ lại 114.020.000 đồng và hẹn đến cuối năm 2019 sẽ trả, nhưng đến hẹn thì bà Ng vẫn không trả số tiền trên cho Công ty K. Việc mua bán phân bón này được bà Ng thừa nhận số nợ gốc là 114.020.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 7.601.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và lãi suất.

[4.2] Xét việc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Ng cho rằng, việc giao dịch mua bán phân bón với Công ty K là do bà giao dịch với tư cách là Giám đốc Công ty D, do vậy số nợ trên phải do Công ty D trả, chứ không phải cá nhân bà Ng trả. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nại của bà Ng hoàn toàn không có căn cứ, bởi lẽ: Toàn bộ quá trình mua bán phân bón (từ ký nhận phân bón, trả tiền, xuất hóa đơn giá trị gia tăng) đều do cá nhân bà Ng trực tiếp ký nhận, không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện bà Ng giao dịch với tư cách là Giám đốc Công ty D.

[5] Từ những vấn đề nêu tại tiểu mục [4.1-[4.2], Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty K, buộc bà Nguyễn Thị Kiều Ng phải có nghĩa vụ trả cho Công ty K số tiền nợ gốc là 114.020.000 đồng và mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/6/2019 đến ngày 05/02/2020 là 7.601.000 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 121.621.000 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: 121.621.000 đồng x 5% = 6.081.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón K.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ng phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón K số tiền 121.621.000 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 114.020.000 đồng, tiền lãi là 7.601.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều Ng phải chịu 6.081.000 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.550.000 đồng, theo biên

lai thu số 0004795 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CCTHADS thị xã;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Duy Đức